TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn, bà Đoàn Thị Chuyền.
***- Thư ký phiên toà*:** Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên toà*:** Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên toà số 06/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị S**- sinh năm 1995
Nơi cư trú: Thôn M, xã Ph, huyện Th, tỉnh Hải Dương.
Chỗ ở hiện nay: Thôn Tr, xã T, huyện C, tỉnh Hưng Yên.
- *Bị đơn*: Anh **Đào Văn H** - sinh năm 1988
Nơi cư trú: Thôn M, xã Ph, huyện Th, tỉnh Hải Dương.

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Strình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong (nay là xã Hồng Phong), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 01/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh H còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 01/2020, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh H không tìm chị lần nào, hai bên gia đình có gặp nhau để bàn bạc, khuyên giải anh chị nhưng chị không về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, chị xin ly hôn anh H. Việc anh H không đến Tòa án làm việc là cố tình gây khó khăn cho chị

trong việc giải quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh H theo quy định để chị ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Đào Mai A, sinh ngày 18/12/2017, cháu hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai A, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Trước đây chị làm công ty, thu nhập bình quân là 10.000.000 đồng/tháng. Hiện chị đang đi học nghề để mở quán riêng. Chị đang ở cùng với bố mẹ, nhà đất rộng rãi, đầy đủ tiện nghi. Bố mẹ chị vẫn khoẻ mạnh, nếu chị tiếp tục nuôi con, bố mẹ chị sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị về mọi mặt để nuôi con và giúp chị việc đưa đón con chị đến trường lớp.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Toà án, bị đơn anh Đào Văn H không hợp tác với Toà án Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh H, ông Đào Văn Th, bà Lê Thị Hạnh là bố mẹ đẻ anh H đã cam kết giao lại và thông báo các văn bản của Tòa án cho anh H biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H không hợp tác, không khai báo, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần anh H đến phiên tòa nhưng anh H đều không có mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Svà là bà ngoại của cháu Đào Mai A. Trong quá trình chung sống, chị S, anh H đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 01/2020 chị S đã về ở cùng với ông bà và vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Nay chị S xin ly hôn anh H, bà đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị S. Về con chung anh H, chị S có 01 con chung là cháu Đào Mai A, sinh ngày 18/12/2017, cháu hiện đang ở với mẹ và ông bà. Việc nuôi dưỡng con chung bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị S. Trường hợp Toà giao cho chị S nuôi dưỡng cháu Mai A, vợ chồng bà sẵng sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị S về chỗ ăn ở với điều kiện tốt nhất để chị S nuôi con. Về tài sản, nợ chung, công sức: Anh H, chị S không có công sức đóng góp gì với gia đình bà.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Đào Văn Th trình bày: Ông là bố đẻ của anh Đào Văn H, là ông nội của cháu Đào Mai A, quá trình chung sống, chị S, anh H có phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Anh H đi làm ăn ở trong nam thỉnh thoảng vẫn liên lạc về với ông bà, ông không biết địa chỉ của anh H ở đâu, hiện đang làm gì. Ông bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H biết. Ngày 12/5/2023 anh H về nhà vài ngày, ông bà đã giao cho anh H toàn bộ văn bản, tài liệu của Tòa án cho anh H biết việc chị S xin ly hôn. Nay chị S xin ly hôn anh H, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh H, chị S có 01 con chung là cháu Đào Mai A, hiện đang ở với mẹ. Anh H hiện không có mặt tại gia đình và địa phương, việc nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị S và quy định của pháp luật. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh H, chị S không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Hồng Phong xác định: Anh H, chị S có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong (nay là xã Hồng Phong), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh H, chị S chung sống tại địa phương và có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn Tr, xã T, huyện C, tỉnh Hưng Yên. Việc mâu thuẫn giữa anh H và chị S địa phương không nắm được, địa phương không có thông tin gì về anh H đang làm gì, ở đâu. Khi chị S làm đơn xin ly hôn, anh H không báo cáo nên địa phương và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, chị S xin ly hôn anh H, đề nghị Toà án căn cứ vào thực trạng mâu thuẫn của vợ chồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Sđược ly hôn anh Đào Văn H.

Về con chung: Xử giao cháu Đào Mai A, sinh ngày 18/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Sen, tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Sphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Scó đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đào Văn H; Nơi cư trú: Thôn M, xã Ph, huyện Th, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị S nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ anh Đào Văn H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Đào Văn H vẫn vắng mặt không có lý do, chị S

có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị S và anh Đào Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong (nay là xã Hồng Phong), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 01/12/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị S và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, anh H còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị S đã đưa con về nhà đẻ ở từ tháng 01/2020 và vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó đến nay. Anh H đang làm gì ở đâu không liên lạc với chị S, không cung cấp địa chỉ, chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với anh H, yêu cầu ly hôn. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh H bỏ đi không liên lạc với chị S, không quan tâm đến chị S. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H biết việc chị S xin ly hôn nhưng cố tình giấu địa chỉ không về giải quyết việc ly hôn. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, và cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị S, anh cũng không cho chị S, gia đình và Tòa án biết hiện anh đang ở đâu, gây khó khăn cho việc ly hôn của chị S, việc làm của anh H thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã có công văn gửi Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, ngày 05/4/2023 Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an có công văn trao đổi xác định: Không có thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp anh Đào Văn H, sinh năm 1988, CMND số 030088004974.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị S, nên xử cho chị Nguyễn Thị Sđược ly hôn anh Đào Văn H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị S, anh H có 01 con chung là cháu Đào Mai A, sinh ngày 18/12/2017, chị S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của chị S mong muốn được tiếp tục nuôi con. Trước đây chị làm công ty, thu nhập bình quân 10 triệu đồng/tháng, hiện chị đang đi học nghề về để mở quán, bố mẹ chị vẫn khoẻ mạnh sẵn sàng hỗ trợ cho chị để nuôi con, gia đình chị có chỗ ở rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Đối với anh H, hiện anh không có mặt tại gia đình và địa phương, không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai A. Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của cháu Mai A, vì vậy Hội đồng xét xử: Giao cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Mai A đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Skhởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Đào Văn H.

2- Về con chung: Xử giao cháu Đào Mai A, sinh ngày 18/12/2017 cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị S không yêu cầu anh Đào Văn H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị Nguyễn Thị S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000950 ngày 03/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị S đã nộp đủ án phí.

4- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Hồng Phong;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Đào Quang Khuyến